

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 1623/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 23 tháng 6 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư Kiên Cường Phát, diện tích 83.890,57 m<sup>2</sup>, dân số 1.600 người tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Chi nhánh Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát làm chủ đầu tư

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Kiên Cường Phát, diện tích 83.890,57 m<sup>2</sup>, dân số 1.600 người tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Chi nhánh Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 09/2021/CV-PD ngày 09/6/2021;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 400/TTr-STNMT ngày 16/6/2021.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Kiên Cường Phát, diện tích 83.890,57 m<sup>2</sup>, dân số 1.600 người (sau

đây gọi là Dự án) của Chi nhánh Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:**

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND xã Tiến Hưng, Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-43-QĐPD-18/6)</sub>.

K. CHỦ TỊCH <sup>trên</sup>  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Huyền Anh Minh*

## Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Khu dân cư Kiên Cường Phát, diện tích 83.890,57 m<sup>2</sup>, dân số 1.600 người tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Chi nhánh Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát làm chủ đầu tư  
(Kèm theo Quyết định số 1623.../QĐ-UBND ngày 23.../16.../2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

### 1. Thông tin về Dự án:

**1.1. Tên Dự án:** Khu dân cư Kiên Cường Phát, diện tích 83.890,57 m<sup>2</sup>, dân số 1.600 người.

**1.2. Chủ Dự án:** Chi nhánh Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát.

\* Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 3702299499 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 11/9/2014, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 20/3/2019.

Trụ sở chính: Số 353 đường Lê Hồng Phong, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Kiên, chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

\* Chi nhánh Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3702299499-001 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 05/4/2018, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 31/7/2019; hoạt động theo ủy quyền của Công ty TNHH Bất động sản Kiên Cường Phát.

Trụ sở chính: Số 2120, Quốc lộ 14, ấp 6, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đứng đầu chi nhánh: Ông Phạm Khắc Học.

**1.3. Địa điểm thực hiện Dự án:** Xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**1.4. Phạm vi, quy mô:** Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 83.890,57 m<sup>2</sup>, dân số 1.600 người.

**1.5. Tính chất của Dự án:** Đầu tư xây dựng khu dân cư.

**1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án:** Đất ở, đất dịch vụ công cộng, đất giáo dục đào tạo, đất bãi đỗ xe, đất công viên cây xanh và đất giao thông.

### 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

#### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn xây dựng:* Gồm bụi từ quá trình san nền; bụi từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu máy móc thiết bị; bụi, khí thải từ các thiết bị thi công; khí thải từ hoạt động trải nhựa đường; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường; khí thải từ công tác hàn thi công; nước thải sinh hoạt;

nước thải thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn vận hành:* Gồm bụi, khí thải phát ra do hoạt động giao thông; khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu; mùi phát sinh từ hệ thống thoát nước, bể lưu chứa nước thải; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

## **2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

### **2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:**

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là cặn bản và chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 04 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD<sub>5</sub>, SS, chất hoạt động bề mặt, amoni, phosphat, dầu mỡ động thực vật, coliform.

### **2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:**

- *Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân:* Lưu lượng khoảng 192 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform.

- *Nước thải sinh hoạt từ khu công cộng dịch vụ:* Lưu lượng khoảng 19,2 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform.

- *Nước thải sinh hoạt từ khu trường học:* Lưu lượng khoảng 8,77 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform.

## **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

### **2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:**

- *Bụi phát sinh từ quá trình thi công san nền:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,56 mg/m<sup>3</sup>.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, HC, NO<sub>x</sub>, CO.

- *Khí thải từ hoạt động xây dựng nhà ở, đổ trộn bê tông trải nhựa đường:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, VOC.

- *Bụi và khí thải từ máy móc thiết bị thi công:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

- *Khí thải từ các hoạt động hàn thi công:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO<sub>x</sub>.

- *Bụi từ hoạt động chà nhám, sơn tường:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Xylen, toluene, benzen.

### **2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:**

- *Bụi và khí thải phát ra từ hoạt động giao thông:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

- *Bụi và khí thải phát ra từ hoạt động đun nấu:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO.

- *Mùi phát sinh từ khu vực lưu chứa rác thải:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CO<sub>2</sub>...

- *Mùi phát sinh từ hệ thống thoát nước, bể lưu chứa nước thải:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: H<sub>2</sub>S, amoni...

## **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:**

### **2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:**

- *Chất thải rắn xây dựng:* Tổng khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công là 706,96 tấn, chủ yếu là bao bì đựng vật liệu, sắt thép vụn, đất, đá, xi măng rơi vãi...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 25 kg/ngày; thành phần chủ yếu là chất hữu cơ.

### **2.4.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh từ khu nhà ở khoảng 1.440 kg/ngày; từ khu công cộng dịch vụ khoảng 144 kg/ngày; rác đường phố tại khu vực Dự án khoảng 295,4 kg/ngày, tại khu giáo dục khoảng 58,5 kg/ngày; thành phần bao gồm: Thực phẩm, cỏ, lá cây, vỏ nghêu, sò, ốc, xương, vải, nhựa cao su, thủy tinh, xà bần, kim loại...

- *Bùn thải:* Lượng bùn cặn từ bể tự hoại của toàn bộ Dự án trong 01 ngày khoảng 40,25 kg; bùn từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh của 01 module khoảng 99,88 kg/ngày, lượng bùn phát sinh của 02 module khoảng 181,76 kg/ngày.

## **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

**2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:** Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 180 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như: Giẻ lau găng tay dính sơn, dung môi; bao bì đựng sơn, dung môi; dung môi thải; đầu mẫu que hàn; giấy nhám, cọ quét sơn.

**2.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:** Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ Dự án khoảng 105 kg/năm, bao gồm các loại chất thải như: Pin, ắc quy thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải; bao bì cứng thải bằng nhựa (nước rửa chén, nước tẩy...); các thiết bị, linh kiện điện tử thải...

## **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

#### **3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng:* Nước thải xây dựng được thu gom, lắng cặn qua bể lắng tạm bằng đất, dung tích 03 m<sup>3</sup>. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng 06 nhà vệ sinh di động, có tổng dung tích 9,6 m<sup>3</sup>. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.

### 3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*:

Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 05 ngăn của mỗi hộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý. Nước thải từ khu công cộng dịch vụ và nước thải từ khu giáo dục, đào tạo được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 05 ngăn của từng khu sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý. Nước thải nấu ăn được thu gom về bể tách dầu mỡ của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

+ *Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua*: Chủ Dự án không xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng phải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được thu gom và đầu nối về hệ thống thu gom nước thải chung này, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

+ *Trường hợp tỷ lệ xây dựng nhà ở tại khu dân cư dưới 30% và khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua*: Chủ Dự án xây dựng bể chứa nước thải (kích thước D x R x S = 14,5 m x 7,5 m x 03 m, được xây bằng gạch, quét lớp chống thấm, nắp đậy bằng gang, xây ngầm tại khu đất hạ tầng của Dự án) để lưu chứa toàn bộ nước thải của Dự án; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

+ *Trường hợp tỷ lệ xây dựng nhà ở tại khu dân cư từ 30% trở lên và khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua*: Chủ Dự án xây dựng module 01 của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày để thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Quy trình xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 05 ngăn → Bể thu gom; Nước thải nấu ăn → Bể tách dầu mỡ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể MBBR → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đường ống thoát nước thải. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của module 01 như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x cao)	Thể tích/bể (m <sup>3</sup> )	Số lượng	Vật liệu xây dựng
1	Bể tách dầu mỡ	2,5 × 02 × 3,2	16	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
2	Bể thu gom	01 × 01 × 3,2	3,2	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
3	Bể điều hòa	05 × 4,2 × 3,2	67,2	01	Bê tông cốt thép, chống thấm

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x cao)	Thể tích/bể (m <sup>3</sup> )	Số lượng	Vật liệu xây dựng
4	Bể anoxic	03 × 1,5 × 3,2	14,4	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
5	BỂ MBBR	03 × 1,5 × 3,2	14,4	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
6	BỂ aerotank	05 × 03 × 3,2	48	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
7	Bể lắng sinh học	03 × 03 × 3,2	28,8	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
8	Bể khử trùng	02 x 1,2 x 3,2	7,68	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
9	Bể chứa bùn	03 × 3,2 × 3,2	30,72	01	Bê tông cốt thép, chống thấm

+ Trường hợp tỷ lệ xây dựng nhà ở tại khu dân cư từ 50% trở lên và khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án xây dựng thêm module 02 của hệ thống xử lý nước thải, công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày, hoạt động song song với module 01, đảm bảo xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0), trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Quy trình công nghệ, kích thước và số lượng các hạng mục công trình của module 02 tương tự module 01.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án phải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được thu gom và đấu nối về hệ thống thu gom nước thải chung này, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

+ Trường hợp tỷ lệ xây dựng nhà ở tại khu dân cư dưới 30% và khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án phải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải chưa qua xử lý thoát ra ngoài môi trường.

Trong thời gian nước thải sinh hoạt từ Khu dân cư được hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý, Chủ Dự án phải lập sổ theo dõi đối với việc vận chuyển nước thải sinh hoạt từ Dự án đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Sổ theo dõi phải đảm bảo đầy đủ các thông tin hàng ngày về biển số xe bồn vận chuyển, dung tích bồn chứa của xe vận chuyển, lưu lượng vận chuyển của mỗi chuyến, số lượt vận chuyển và Chủ Dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin này.

+ Trường hợp tỷ lệ xây dựng nhà ở tại khu dân cư từ 30% trở lên và khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án phải xây dựng module 01 của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày đảm bảo xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Trường hợp tỷ lệ xây dựng nhà ở tại khu dân cư từ 50% trở lên và khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án phải xây dựng module 02 của hệ thống xử lý nước thải, công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày, hoạt động song song với module 01, đảm bảo xử lý nước thải đạt cột A, QCVN

14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ( $k = 1,0$ ) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### 3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình thi công san nền:* Che kín các hạng mục công trình gần khu dân cư bằng tôn hoặc bạt cao 2,5 m; tưới nước giảm bụi vào những ngày nắng bằng 02 xe chuyên dụng ở những khu vực phát tán bụi, lượng nước phun tưới thích hợp là  $0,4 \text{ lít/m}^2 \dots$

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển:* Các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ hợp lý trước khi vận chuyển để tránh phát tán bụi; sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; dùng các tấm che chắn xung quanh công trình; bố trí để các chuyến xe chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng ra vào công trình hợp lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các thiết bị, máy móc thi công:* Không sử dụng các loại máy móc thi công quá cũ; sử dụng chân đế hạn chế rung động đối với các máy gây ra mức rung lớn như máy đóng cọc, máy khoan VRM...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động xây dựng nhà ở, đổ trộn bê tông, trải nhựa làm đường:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; sử dụng công nhân có kinh nghiệm; sử dụng lưới che chắn tại khu vực xây dựng nhà, trộn vữa xi măng; sử dụng ô tô trải nhựa hiện đại, đảm bảo an toàn, phòng chống bị bỏng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn, cắt kim loại:* Bố trí khu vực hàn, cắt, sơn, xì ở nơi có ít người qua lại và cuối hướng gió, tránh ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trên công trường; trang thiết bị phục vụ cho hoạt động hàn, cắt phải là những thiết bị đảm bảo kỹ thuật an toàn và còn hoạt động tốt...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ hoạt động chà nhám, sơn tường:* Huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ lao động...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### 3.2.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động giao thông:* Trồng thêm cây xanh dọc theo tuyến giao thông, xung quanh khu công trình dịch vụ (là nơi tập trung lượng phương tiện giao thông cao). Đảm bảo tổng diện tích cây



xanh cho toàn Dự án theo đúng quy hoạch và duy trì hoạt động chăm sóc; bố trí nhân viên vệ sinh, quét đường, xe phun nước rửa đường, tưới cây vào mùa khô...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động đun nấu:* Bố trí hệ thống chụp hút và đưa lượng khói này ra ngoài theo đường ống khói; có biện pháp thông thoáng tại khu vực nấu nướng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi phát sinh từ khu vực lưu chứa rác thải:* Bố trí số lượng thùng thu gom rác có nắp đậy ở các khu vực công cộng, trên các tuyến đường trong khu Dự án với khoảng cách giữa 02 thùng rác khoảng 100 m, không để rác thải tràn ra khỏi thùng chứa, bố trí thời gian thu gom vào những thời điểm có mật độ người lưu thông thấp trong ngày, định kỳ vệ sinh các thùng chứa này để giảm mùi hôi; phun dung dịch EM để khử mùi hôi; rác thải sinh hoạt phát sinh được thu gom mỗi ngày, không để tập trung thời gian dài.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hệ thống thoát nước, bể lưu chứa nước thải:* Thường xuyên kiểm tra, nạo vét đường ống thoát nước để tránh trường hợp tắc nghẽn, ứ đọng nước thải; hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý lượng nước thải phát sinh hàng ngày, không để nước thải lưu chứa lâu trong bể...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Chất thải rắn xây dựng được thu gom và phân loại sau đó lưu chứa tại nhà kho chứa chất thải rắn tạm thời, bố trí tại vị trí quy hoạch đất bãi đỗ xe, kết cấu theo dạng nhà tiền chế, tường và mái bằng tôn, kích thước 03 m x 03 m, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị 02 thùng chứa rác với thể tích 120 lít có nắp đậy tại công trường để chứa lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Chủ Dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **3.3.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các hộ gia đình được phân loại, thu gom vào các thùng chứa rác vật liệu HDPE có 02 ngăn (thể tích 80 lít) có nắp đậy, bố trí cho từng căn

hộ. Đối với khu vực công cộng: Bố trí các thùng rác có nắp đậy, vật liệu HDPE dung tích 120 lít, trên các tuyến đường với khoảng cách 100 m/thùng. Đối với khu vực giáo dục: Bố trí 02 thùng chứa loại 120 lít, có nắp đậy, vật liệu HDPE trong khuôn viên trường học. Chủ Dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của Dự án với tần suất 01 lần/ngày theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn thải:* Đối với bùn, cặn từ bể tự hoại phát sinh từ các hộ gia đình, khu dịch vụ công cộng, khu trường học, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

#### **3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại phát sinh được lưu chứa tại các thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tại nhà kho chứa chất thải nguy hại tạm thời với diện tích khoảng 04 m<sup>2</sup>, bố trí tại khu vực quy hoạch đất hạ tầng kỹ thuật, kết cấu: tường gạch, nền bê tông, tường bằng tôn bao xung quanh, mái che được lợp bằng tôn sóng vuông, có gờ vây quanh, hồ thu gom chất thải rò rỉ... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

#### **3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chủ Dự án hướng dẫn người dân và nhân viên các khu dịch vụ công cộng, khu giáo dục trong Dự án thu gom chất thải nguy hại về kho chứa chất thải nguy hại diện tích 04 m<sup>2</sup>, được đặt tại khu vực quy hoạch đất hạ tầng kỹ thuật, kết cấu: tường gạch, nền bê tông, tường bằng tôn bao xung quanh, mái che được lợp bằng tôn sóng vuông, có gờ vây quanh, hồ thu gom chất thải lỏng rò rỉ.... Kho chứa có bố trí các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy, bằng nhựa HDPE, có nhãn dán phân biệt. Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng hiện đại, tình trạng hoạt động tốt, ít gây ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh việc các máy móc gây ồn cùng làm việc sẽ gây nên tác động cộng hưởng; quy định tốc độ tối đa của xe, máy móc khi lưu thông trong khu vực đang thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến sức khỏe cộng đồng, an ninh xã hội:* Ưu tiên tuyển dụng lao động là người dân địa phương để hạn chế những vấn đề phát sinh trên địa bàn khu vực; quản lý chặt chẽ công nhân trong quá trình lao động cũng như ngoài giờ lao động, chấp hành đúng các quy định của pháp luật cũng như các quy định của địa phương, tôn trọng phong tục tập quán của người dân địa phương, đoàn kết chặt chẽ với nhân dân và có mối quan hệ tốt với chính quyền...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

#### **3.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Quy định tốc độ lưu thông tối đa của các loại xe bên trong khu dân cư, Chủ Dự án phải thực hiện đúng diện tích trồng cây xanh tạo thành hành lang cách ly dọc theo phía giáp với các tuyến đường vừa tạo cảnh quan, vừa che chắn gió bụi, đồng thời giảm tiếng ồn phát sinh từ Dự án...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế - xã hội:* Thực hiện quy hoạch kết nối giữa đường nội bộ và đường chính của khu vực một cách hợp lý, đảm bảo không gây ùn tắc giao thông nhất là vào các giờ cao điểm; không để xảy ra tình trạng lấn chiếm mặt đường nội bộ và đậu xe bừa bãi, gây ách tắc và tai nạn giao thông...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động:**

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ:* Thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở người dân thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy; bảo trì, bảo dưỡng các thiết

bị, đường dây điện, hệ thống chiếu sáng; thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình xây dựng Dự án...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước của Dự án:* Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và đạt yêu cầu về kỹ thuật; theo dõi sự làm việc hằng ngày của mạng tuyến ống thông qua đồng hồ đo lưu lượng; thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố bể chứa nước thải:* Thường xuyên kiểm tra lưu lượng nước thải, khi nước trong bể gần đầy, Chủ Dự án liên hệ với đơn vị đến thu gom và xử lý theo đúng quy định; sử dụng vật liệu chống thấm tốt...

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

Các công trình bảo vệ môi trường chính gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom, thoát nước, lưu chứa, xử lý nước thải.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:**

##### **5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:**

##### **5.1.1. Giám sát không khí khu vực thi công xây dựng:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công của Dự án.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong quá trình thi công xây dựng.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub>.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và theo quy định hiện hành.

##### **5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

## **5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm (trường hợp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung):**

### **5.2.1. Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra module 01; 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra module 02 của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, SS, BOD<sub>5</sub>, amoni, tổng phốt pho, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0).

## **5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:**

### **5.3.1. Giám sát nước thải:**

**\* Trường hợp tỷ lệ xây dựng nhà ở tại khu dân cư dưới 30% và khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải của khu vực đi qua:**

- *Thông số giám sát trong thời gian nước thải sinh hoạt từ Khu dân cư được hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý*: Sở theo dõi đối với việc vận chuyển nước thải sinh hoạt từ Khu dân cư đến đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

**\* Trường hợp tỷ lệ xây dựng nhà ở tại khu dân cư từ 30% trở lên và khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải của khu vực đi qua:**

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra module 01 của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, SS, BOD<sub>5</sub>, amoni, tổng phốt pho, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0).

**\* Trường hợp tỷ lệ xây dựng nhà ở tại khu dân cư từ 50% trở lên và khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải của khu vực đi qua:**

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra module 01; 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra module 02 của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, SS, BOD<sub>5</sub>, amoni, tổng phốt pho, tổng nitơ, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0).

### **5.3.2. Giám sát chất lượng nước mặt:**

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại tại suối nhỏ gần Dự án.

- *Thông số giám sát*: pH, TSS, DO, COD, BOD<sub>5</sub>, nitrat, amoni, phốt phát, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

### **5.2.1. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

**6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:** Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

**6.1.** Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**6.2.** Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải chưa qua xử lý thoát ra ngoài môi trường.

**6.3.** Trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**6.4.** Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh thực hiện các công trình bảo vệ môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

**6.5.** Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 203/CV-MT ngày 12/4/2021 của UBND xã Tiến Hưng về việc ý kiến tham vấn về Dự án Khu dân cư Kiên Cường Phát, diện tích 83.890,57 m<sup>2</sup> tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 09/4/2021 tại UBND xã Tiến Hưng. Phối hợp chặt chẽ với

chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

**6.6.** Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

**6.7.** Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

